

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25 / 10 / 2018

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Huy;
2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2018/TLST- HN&GD ngày 28 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST-HN ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/QĐST-DS ngày 10/10/2018 giữa các đương sự:

NgU đơn: Ông Phạm Quang Th, sinh năm 1988, nơi cư trú: B66/19 T, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Bà Nguyễn Hồ Phương M, sinh năm 1989, nơi cư trú: Số 8/2, tổ 17, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh An Giang.

Ông Th có mặt, bà M đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa 2 lần nhưng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2018, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ngU đơn ông Phạm Quang Th trình bày: Ông và bà M tự tìm hiểu yêu thương nhau từ năm 2010 đến năm 2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn thì ông và bà M sống tại nhà cha mẹ ruột số B66/19 T, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Phạm Nguyễn

Phương U sinh ngày 28/7/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, ngU nhân do tính tình vợ chồng không còn phù hợp và hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Bà M bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 29/10/2015 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Phương U sinh ngày 28/7/2013, hiện tại con đang sống với bà M. Ông đồng ý giao con cho bà M nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do ngU đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: bản tự khai ngU đơn; Giấy CMND của ông Th, bà M; Sổ hộ khẩu gia đình của ông Th và sổ hộ khẩu gia đình bà M; Bản sao giấy khai sinh Phạm Nguyễn Phương U; Bản sao giấy chứng nhận kết hôn.

Tòa án đã ban hành các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Hồ Phương M nhưng bà M đều vắng mặt.

Ông Nguyễn Thanh Bình (cha ruột M) cung cấp lời khai: Ông là người nhận trực tiếp các văn bản tố tụng do Tòa án ban hành gửi cho M. Sau khi nhận văn bản của Tòa án, ông có thông báo cho M biết, nhưng do M bận công việc nên không tham gia giải quyết vụ án xin ly hôn với Th được. M chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Th.

Tại phiên tòa, ông Th giữ ngU yêu cầu ly hôn với bà M, chấp nhận giao con cho M nuôi dạy, cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 15/11/2018.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS năm 2015 trong thời hạn chuẩn bị xét xử.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

NgU đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt và không tham gia hòa giải nên bị đơn đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án

Ông Phạm Quang Th và bà Nguyễn Hồ Phương M có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau chăm sóc giúp đỡ cùng nhau tiến bộ. Tuy nhiên, bà M và ông Th đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Mặc khác, bà M nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải nhiều lần nhưng không đến, từ đó thấy rằng bà M không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn.

Về con chung: Xét thấy hiện tại cháu Phạm Nguyễn Phương U (sinh ngày 28/7/2013) đang do bà M chăm sóc, vì vậy để tạo điều kiện thuận lợi cho bé phát triển nên việc để cháu U cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Ông Th không trực tiếp nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2 triệu đồng/tháng. Vì lợi ích của con chưa thành niên nên chấp nhận yêu cầu này.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Ông Phạm Quang Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Hồ Phương M - nơi cư trú: Số 8/2, tổ 17, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập đến phiên tòa nhưng bà M vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[3] *Về hôn nhân*: Ông Th và bà M kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyền số 01/2013 cấp ngày 31/10/2013 nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông Th yêu cầu xin ly hôn với bà M. Ông Th nêu ngU nhân xin ly hôn là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp và hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bà M bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 29/10/2015 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án triệu tập bà M đến tòa hòa giải, mục đích để hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng bà M không đến tòa tham gia hòa giải cũng như trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông Th. Ông Bình cha ruột của bà M xác nhận Th và M chung sống không hạnh phúc, cả hai không sống chung từ nhiều năm qua. M biết việc Th xin ly hôn, M chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Th.

Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thế nhưng, giữa ông Th và bà M không sống chung với nhau từ ngày 29/10/2015 cho đến nay, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Th và bà M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Th yêu cầu ly hôn với bà M là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung*: Ông Th, bà M có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Phương U sinh ngày 28/7/2013. Hiện nay, cháu U đang sống chung với bà M. Ông Th đồng ý giao con cho bà M nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét, yêu cầu của ông Th là phù hợp thực tế và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Giao cho bà Nguyễn Hồ Phương M nuôi dạy cháu Phạm Nguyễn Phương U sinh ngày 28/7/2013; Ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 25/11/2018 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Bà M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Th khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Ông Phạm Quang Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp, ông Th đã nộp đủ án phí.

Riêng về phần án phí cấp dưỡng, ông Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Bà Nguyễn Hồ Phương M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Quang Th;

Ông Phạm Quang Th được ly hôn với bà Nguyễn Hồ Phương M.

[2] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Hồ Phương M được nuôi dạy cháu Phạm Nguyễn Phương U sinh ngày 28/7/2013; ông Phạm Quang Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 25/11/2018 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Bà M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí: Ông Phạm Quang Th phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/0015169, ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đức; Ông Th đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Quang Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Bà Nguyễn Hồ Phương M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án, ông Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà M là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát thành phố Châu Đốc;
- Chi cục THA dân sự thành phố Châu Đốc;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Thị Châu Ngọc